TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 4 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Huỳnh Sinh.

2. Ông Trần Hoàng Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 745/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trượng Thị B, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Ông Phạm Như T, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 4, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trượng Thị B trình bày:

Bà và ông Phạm Như T đến với nhau hoàn toàn tự nguyện, gia đình không có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận vào năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng mẹ chồng bà tại khu phố 4, phường Đ, thành phố P. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, tuy nhiên sau khoảng hơn 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do mỗi lần ông T nhậu say thường về đánh mắng,

chửi bới, đe dọa, uy hiếp tinh thần bà. Nhiều lần bà đã bỏ qua, khuyên ngăn nhưng ông T vẫn không thay đổi. Từ năm 2016 bà về nhà mẹ ruột ở xã P, huyện N để sinh sống, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau, cũng không ai đặt vấn đề hàn gắn quay lại. Do thời gian mâu thuẫn kéo dài và không còn chung sống cùng nhau nên tình cảm không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 01/01/2012. Ly hôn, bà đề nghị giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, bà không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu Bảo đang sống với ông T tại khu phố 4, phường Đ, thành phố P.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời đương sự khai ngày 18/3/2025, bị đơn ông Phạm Như T trình bày:

Ông và bà Trượng Thị B tự nguyện chung sống cùng nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận vào năm 2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Từ năm 2016 cho đến nay ông và bà B không còn sống chung. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà B.

Về con chung: Ông và bà B có 01 con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 01/01/2012. Hiện nay, con đang sống với ông, ly hôn ông sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, ông không yêu cầu bà B phải cấp dưỡng nuôi con. Ông làm nghề rửa xe thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng nên đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Các đương sự có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trượng Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con

với bị đơn ông Phạm Như T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Bị đơn ở phường Đ, thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn, bị đơn đều có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tranh chấp hôn nhân: bà B và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Đông Hải, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 17/9/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà B trình bày: Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do mỗi lần ông T nhậu say thường về đánh, chửi bà. Từ năm 2016 cho đến nay bà và ông T không còn sống chung với nhau, không ai gặp ai, cũng không ai đặt vấn đề hàn gắn quay lại. ông T biết bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông T đồng ý ly hôn nhưng vắng mặt.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà B và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu của bà B về việc giao con cho ông T, thấy rằng: Từ khi bà và ông T không còn sống chung thì cháu Phạm Gia B do ông T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu B có nguyện vọng sống với ba, ông T cũng đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B. Ông T làm nghề rửa xe thu nhập khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu B cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: ông T không yêu cầu bà B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Bà B và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trượng Thị B.

1. Về hôn nhân: Bà Trượng Thị B được ly hôn với ông Phạm Như T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Gia B, sinh ngày 01/01/2012 cho ông Phạm Như T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bà Trượng Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Trượng Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003457 ngày 29/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. bà B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- CCTHADS TP. PR- TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND phường Đông Hải, TP.PR-TC (GCNKH ngày 17/9/2012);
- Lưu hồ sơ; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Diệu